

Số: 25 /BC-DKĐĐ-KTKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

"V/v: Báo cáo tổng kết HĐSXKD năm 2022,
kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2023"

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Căn cứ kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Hội đồng quản trị Công ty xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tổng kết hoạt động SXKD năm 2022 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 của PetroCons Đông Đô, cụ thể như sau:

I. PHẦN 1: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2021	Năm 2022		Tỷ lệ (%)	
				KH (i)	TH	TH/KH 2022	TH/TH 2022/2021
{1}	{2}	{3}	{4}	{5}	{6}	{7}={6}/ {5}	{8}={6}/ {4}
1	Chỉ tiêu SXKD	Tỷ đồng	161,31	72,00	44,83	62,26%	27,79%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	155,29	99,00	40,44	40,85%	26,04%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,05	0,19	1,86	978,95%	177,14%
4	Lao động sử dụng bình quân	Người	52	65	55	84,62%	105,77%
5	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng		27,20	2,43	8,93%	
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500	500	500	100%	100%

Ghi chú: (i): Kế hoạch SXKD năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của PetroCons Đông Đô thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022;

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022:

a. Giá trị SXKD:

Giá trị SXKD năm 2022 đạt 44,83 tỷ đồng, đạt 62,26% so với kế hoạch năm. Sản lượng đạt được là từ hoạt động thi công xây lắp, chuyển nhượng bất động sản, kinh doanh dầu nhờn, cho thuê văn phòng Công ty... Cụ thể:

- Giá trị SXKD trong lĩnh vực xây lắp đạt 28,88 tỷ đồng trong đó:
- + Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đạt: 4,75 tỷ đồng;
- + Dự án Khu thể thao đa năng Quận 1 đạt: 5,36 tỷ đồng;
- + Dự án Trạm biến áp 110kV Lào Cai 2: 8,99 tỷ đồng;
- + Dự án Thi công cọc thí nghiệm tại Phú Yên: 5,79 tỷ đồng;
- + Dự án Thi công đường tránh Đắc Lắc: 4 tỷ đồng.
- Giá trị SXKD trong lĩnh vực ngoài xây lắp đạt 15,94 tỷ đồng từ hoạt động cho thuê văn phòng Công ty, kinh doanh BĐS, kinh doanh dầu nhờn và thu nhập khác.

b. Doanh thu:

Doanh thu năm 2022 đạt 40,44 tỷ đồng, đạt 40,85% so với kế hoạch năm. Doanh thu đạt được từ hoạt động thi công xây lắp, bán bất động sản, kinh doanh dầu nhờn, cho thuê văn phòng Công ty... Cụ thể:

- Doanh thu lĩnh vực xây lắp đạt 25,63 tỷ đồng trong đó:
- + Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đạt: 7,14 tỷ đồng;
- + Dự án Nhà thi đấu Quận 1 TP HCM đạt: 1,84 tỷ đồng;
- + Dự án Trạm 110kV Lào Cai 2 đạt: 10,6 tỷ đồng;
- + Dự án Thi công cọc thí nghiệm tại Phú Yên: 3,35 tỷ đồng.
- + Dự án đường tránh Buôn Ma Thuột: 2,7 tỷ đồng
- Doanh thu lĩnh vực ngoài xây lắp đạt 14,81 tỷ đồng từ hoạt động cho thuê văn phòng Công ty, kinh doanh BĐS, kinh doanh dầu nhờn và thu nhập khác...

c. Lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 1,86 tỷ đồng. Kết quả lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch là nhờ khoản hoàn nhập dự phòng do thu hồi công nợ của Công ty Hasky.

d. Giá trị đầu tư:

Giá trị đầu tư năm 2022 là 2,43 tỷ đồng bao gồm đầu tư mua máy ủi: 0,6 tỷ đồng; máy xúc: 0,93 tỷ đồng; máy lu: 0,9 tỷ đồng.

e. Giá trị kinh doanh thương mại bất động sản:

Trong năm 2022, công ty triển khai kinh doanh thương mại bất động sản 09 lô đất tại dự án Thiệu Khánh, Thanh Hóa với giá trị đã giải ngân là 4,17 tỷ đồng.

1.2. Tình hình thực hiện hoạt động thi công xây lắp trong năm 2022:

a. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

- Hợp đồng số 01/IIDTC/CNPB-PVC Đông Đô: Hoàn thành việc thi công.
- Hợp đồng số 32/2016/HĐKT/PVC/PVC-Đông Đô:
- + Nhà nén khí cho hệ thống thải xi: Hiện đang triển khai thi công thang, lan can lên mái, thi công tấm check plan, tấm Grating;
- + Nhà tách nước thạch cao: Đã thi công hoàn thiện được 84/84 và tiến hành hoàn thiện cầu thang số trục 5-6 hoàn thành tháng 12/2022;
- + Nhà Trạm bơm thải tro xi: Nhà thầu đã thi công xong phần BTCT của hạng mục. Các phần việc còn lại là thi công chống nóng, chống thấm mái, thi công khu vệ sinh, sơn và hoàn thiện trong và ngoài nhà hoàn thiện tháng 12/2022;
- Hợp đồng số 38/HĐKT/PVC/PVC Đông Đô: Các công việc thuộc hợp đồng đã hoàn thành, hiện đang làm hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán.

b. Dự án tại TP Hồ Chí Minh:

- Công trình: Khu B Chung cư 5 tầng và khu thấp tầng Trần Anh Long An: Hiện Công ty đang thống nhất với Chủ đầu tư về các hạng mục quyết toán công trình, giá trị đối trừ...;

- Công trình Trung tâm thể dục thể thao Quận 1: Dự án đã được Sở Tài chính thông qua phần quyết toán giá trị phát sinh. Công ty đã đối chiếu công nợ và quyết toán toàn bộ gói thầu với nhà thầu chính Công ty CP Chương Dương. Hiện đang thu hồi công nợ;

- Công trình Sửa chữa Khu biệt thự 5 sao Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An: Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đã lập Hồ sơ chất lượng để Công ty CP Vicom nộp lên Chủ đầu tư nhưng chưa quyết toán xong;

- Công trình NMND Sông Hậu 1: Công ty tiếp tục phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện bổ sung các hồ sơ phát sinh theo yêu cầu của PetroCons để bảo vệ đơn giá các công tác thi công của hạng mục Nhà điều khiển trung tâm, cự ly vận chuyển đất thải...;

- Công trình nhà liền kề Tiến Lộc Garden Đồng Nai: Công trình đã thi công xong, đã bàn giao. Hiện đang lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ chất lượng công trình. Công ty tập trung sửa chữa các khiếm khuyết để kết thúc bảo hành.

c. Dự án Trạm biến áp 110kV Lào Cai 2 và nhánh rẽ:

- Đã thi công xong toàn bộ các hạng mục của hợp đồng đã ký và đã bàn giao công trình. Hiện đang làm hồ sơ quyết toán.

d. Dự án Trạm biến áp 110kV Hàm Cường 2:

- Công tác thi công: Hoàn thành xong khối lượng công việc theo hợp đồng đã ký;

- Công tác hồ sơ, nghiệm thu, thanh toán: Đã hoàn thành hồ sơ chất lượng, hồ sơ thanh toán được Chủ đầu tư phê duyệt. Hồ sơ thanh toán nội bộ đã trình tổng thầu EEA toàn bộ sản lượng đã hoàn thành. Quý 1/2023 hoàn thành việc quyết toán.

e. Dự án thi công cọc tại HTL - Phú Yên:

- Đã hoàn thành thi công 100% theo khối lượng hợp đồng. Đang làm hồ sơ quyết toán.

f. Dự án thi công đường tránh Đắc Lắc:

- Chủ đầu tư đang giải phóng mặt bằng và bàn giao cho đơn vị được một phần mặt bằng thi công. Công ty đang tập trung thi công phần nền đường, cống hộp, hầm chui, cấu kiện bê tông đúc sẵn tại các vị trí được bàn giao mặt bằng;

+ Phần nền đường: Hoàn thành đắp đất K95 các đoạn: Km15+800 đến 16+300; Km 13+200 đến 13+700 và một số đoạn nhỏ khác;

+ Phần thoát nước: Hoàn thành phần thân hầm chui 5x3,5m Km 16+310.

2. Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp:

- Trong năm 2022, PetroCons Đông Đô tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong việc chuyển đổi mô hình hoạt động. Công ty đã mở rộng thị trường và tiếp tục có thêm các công việc từ hoạt động xây lắp tại Đồng Nai, Lào Cai, Bình Thuận, Đắc Lắc. Hoạt động thi công xây lắp công trình giúp Công ty từng bước ổn định sản xuất, duy trì bộ máy Công ty, tạo công ăn việc làm cho người lao động;

- Tiếp tục thúc đẩy hoạt động tái cơ cấu nhân sự, kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, sắp xếp lại văn phòng làm việc, rà soát và sắp xếp nhân sự phù hợp, tiết kiệm chi phí. Mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng của suy thoái toàn cầu; lạm phát cao và các vấn đề chính trị, xung đột vũ trang, thiên tai, dịch bệnh... làm ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến nguồn việc nhưng tập thể Ban lãnh đạo công ty vẫn đảm bảo năng suất lao động, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên;

- Sử dụng hiệu quả, an toàn nguồn vốn thu được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Xuân Phương;

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn để lấy vốn tập trung cho hoạt động xây lắp như:

+ Phần vốn góp vào Dự án Dolphin Plaza: Trong năm 2022 công ty đã thực hiện thoái vốn 9,86 tỷ đồng bằng hình thức nhận chuyển nhượng 03 căn hộ tại dự án và bù trừ công nợ vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐ/TID-PVFC Land ngày 02/11/2010.

+ Thoái/giảm phần vốn góp tại Công ty Bình Sơn: Tổng vốn góp tại Bình Sơn là 26 tỷ đồng, đã thu hồi được 3,9 tỷ đồng do PVC Bình Sơn giảm vốn điều lệ. Hiện vốn góp của Đông Đô còn 22,1 tỷ đồng. Công ty vẫn đang phối hợp với Tổng Công ty để thực hiện việc thoái toàn bộ vốn còn lại tại PVC Bình Sơn;

+ Khoản thoái phần vốn góp tại dự án sinh thái Cửu Long - Hòa Bình do Hasky làm Chủ đầu tư. Công ty đã sử dụng nhiều biện pháp mạnh, khởi kiện ra tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để quyết liệt thu hồi công nợ. Tính đến hết ngày 31/12/2022 Hasky còn nợ 9,3 tỷ. Công ty Hasky đang đề xuất trả nợ bằng hình thức gán trừ căn hộ tại dự án Sunshine City (Khu đô thị Ciputra Hà Nội). Công ty Đông Đô và Cty luật đang triển khai các bước tiếp theo để gây áp lực hơn nữa nhằm thu hồi triệt để khoản công nợ này;

+ Phần vốn góp vào Thiên Phúc Gia: Công ty đã dùng nhiều biện pháp để thu hồi công nợ, thuê tư vấn luật để khởi kiện, tuy nhiên phía Thiên Phúc Gia không có sự hợp tác, đến nay cũng chưa thu hồi được công nợ.

3. Kết quả triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí SXKD:

Trong năm 2022 Công ty đã thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị và Nghị quyết của Tổng Công ty về việc thực hành tiết kiệm và tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh như tiết giảm chi phí quản lý, chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và năng lượng...

4. Công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội:

- Ban lãnh đạo cùng với Công đoàn Công ty tổ chức 8/3, 20/10, kỷ niệm ngày thành lập công ty, thăm quan nghỉ mát, thăm hỏi, động viên kịp thời các công đoàn viên ốm đau, có hoàn cảnh khó khăn, sinh con, gia đình có việc hiếu, hỉ ...;

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh, an toàn và bảo hộ lao động, thực hiện đầy đủ chế độ với người lao động, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN thu nộp và giải quyết đầy đủ;

- Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn, có chế độ thu hút kỹ sư, cử nhân, công nhân để bổ sung nguồn nhân lực cho các công trình mới. Tạo sự gắn bó công tác lâu dài cho CBNV Công ty; môi trường làm việc thực sự chuyên nghiệp thu hút lao động có trình độ và tay nghề cao;

- Sử dụng lao động một cách hợp lý, có hiệu quả trong hoạt động SXKD của Công ty. Tập trung rà soát lại công việc, lực lượng lao động để sắp xếp bố trí đúng người đúng việc, nhằm đảm bảo có đủ việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV. Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, kỹ sư và người lao động nhằm nâng cao kiến thức lãnh đạo quản lý, tay nghề phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu SXKD của Công ty.

5. Đánh giá những nhiệm vụ chưa hoàn thành, các tồn tại, khó khăn vướng mắc và bài học kinh nghiệm:

- Do ảnh hưởng nghiêm trọng bởi chiến tranh Nga - Ukraina, suy thoái toàn cầu, biến động của tỷ giá, lãi suất, xăng dầu... nhiều Chủ đầu tư Công ty đang tiếp cận để tiếp thị dự án cũng điều chỉnh kế hoạch thực hiện, giãn tiến độ dự án nên nguồn việc và sản lượng dự kiến của đơn vị cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng;

- Giá cả vật tư, nguyên vật liệu xây dựng tăng cao đặc biệt là xi măng, sắt thép, năng lượng... đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công trên công trường cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Công tác thoái vốn của Công ty tại các dự án/công ty góp vốn gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty;

- Đối với hoạt động xây lắp: Công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán còn chậm, dẫn đến khối lượng giá trị dở dang lớn, doanh thu chưa đạt được như kế hoạch đã đề ra;

- Giá trị tạm nghiệm thu thanh toán còn thấp; nhiều danh mục công việc ngoài thực tế thi công sai khác với danh mục công việc trong hợp đồng/ dự toán được duyệt nên chưa được nghiệm thu thanh toán dẫn đến giá trị khối lượng dở dang của Công ty cao;

- Tỷ trọng lợi nhuận trên doanh thu trong hoạt động xây lắp của Công ty còn thấp do Công ty hiện nay chủ yếu làm nhà thầu phụ;

- Công tác kinh doanh thương mại bất động sản không đạt được như kỳ vọng do thị trường bất động sản sụt giảm.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như nguồn công việc dự kiến sẽ ký hợp đồng trong năm 2023, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2023
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	tỷ đồng	90,00
2	Doanh thu	tỷ đồng	81,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	0,60
4	Giá trị đầu tư mua sắm trang thiết bị	tỷ đồng	5,30
5	Giá trị kinh doanh thương mại bất động sản	tỷ đồng	20,00
6	Lao động sử dụng bình quân	người	55
7	Vốn điều lệ	tỷ đồng	500

1. Các chỉ tiêu và thuyết minh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023

1.1. Giá trị sản xuất kinh doanh: Kế hoạch năm 2023 là 90 tỷ đồng, cụ thể:

- Giá trị sản xuất kinh doanh từ hoạt động thi công xây lắp là: 77,5 tỷ đồng.
Trong đó:

- + Thi công dự án NM Nhiệt điện Thái Bình: 5 tỷ đồng;
- + Thi công dự án đường tránh Buôn Ma Thuột - Đăk Lăk: 37 tỷ đồng;
- + Thi công dự án Nhà trung tâm điều hành bến xe: 8 tỷ đồng;
- + Thi công dự án lưới điện 110kV: 17,5 tỷ đồng;

- + Các dự án khác: 10 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất kinh doanh từ hoạt động ngoài xây lắp là: 12,5 tỷ đồng
- + Cho thuê VP công ty: 1,45 tỷ đồng;
- + Đầu tư kinh doanh BĐS: 5 tỷ đồng;
- + Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, dầu nhờn: 5 tỷ đồng;
- + Sản xuất, kinh doanh khác: 1,05 tỷ đồng.

1.2. Doanh thu: Kế hoạch năm 2023 là 81 tỷ đồng, cụ thể:

- Doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp là: 69,54 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 32,2 tỷ đồng;
 - + Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu: 6,14 tỷ đồng;
 - + Dự án Hàm Cường 2 là: 5,41 tỷ đồng;
 - + Dự án Tiến Lộc Garden là: 3,46 tỷ đồng;
 - + Dự án đường tránh Buôn Ma Thuật – Đăk Lăk: 12,24 tỷ đồng;
 - + Dự án nhà trung tâm điều hành bến xe: 3 tỷ đồng;
 - + Dự án lưới điện 110kV: 3 tỷ đồng;
 - + Dự án HTL Phú Yên: 2,16 tỷ đồng;
 - + Các dự án khác: 1,94 tỷ đồng.
- Doanh thu từ hoạt động ngoài xây lắp là: 11,46 tỷ đồng
 - + Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng: 1,32 tỷ đồng;
 - + Doanh thu từ đầu tư kinh doanh BĐS: 4,55 tỷ đồng;
 - + Doanh thu từ kinh doanh dầu nhờn, vật liệu xây dựng: 4,55 tỷ đồng;
 - + Doanh thu khác: 1,05 tỷ đồng.

1.3. Lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch năm 2023 là 0,6 tỷ đồng.

1.4. Giá trị đầu tư mua sắm trang thiết bị: Đơn vị thực hiện đầu tư khi trong năm phát sinh hoạt động thi công mới trên cơ sở đánh giá cần thiết, hiệu quả của hợp đồng thi công, trong đó đầu tư thiết bị thi công công trình, phương tiện vận chuyển, máy lu, máy xúc, máy ủi, máy san: 5,3 tỷ đồng.

1.5. Giá trị kinh doanh thương mại bất động sản: Trong năm 2023, Công ty có kế hoạch kinh doanh thương mại bất động sản năm 2023 là: 20 tỷ đồng.

2. Các nhóm giải pháp và nhiệm vụ chủ yếu để hoàn thành kế hoạch năm 2023:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

2.1. Nhóm giải pháp về tiếp thị, đấu thầu:

- Tập trung nguồn lực tiếp thị tìm kiếm các công việc về thi công xây lắp để đảm bảo đạt kế hoạch sản lượng năm 2023, tạo ra dòng tiền để trang trải tối thiểu chi phí hoạt động của bộ máy quản lý;

- Đẩy mạnh bán hàng kênh phân phối sản phẩm dầu mỡ nhờn tại khu vực miền Nam, các dự án công nghiệp trong đó trọng tâm là các tỉnh: TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Khánh Hòa, Đăk Lăk.

2.2. Nhóm giải pháp về tài chính:

- Tiếp tục tìm các đối tác để chuyển nhượng phần vốn góp của PetroCons Đông Đô tại các đơn vị tham gia góp vốn như Khách sạn Lam Kinh; Công ty cổ phần Tây

Hà Nội; Công ty Bình Sơn; đảm bảo công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ các quy định, quy trình của pháp luật/Tổng Công ty/Điều lệ Công ty;

- Thu hồi vốn tại dự án góp vốn Dolphin Plaza, vốn đầu tư từ việc thoái rút vốn đầu tư Dự án tòa nhà văn phòng 160 Trần Quang Khải;

- Thu hồi công nợ tại các dự án góp vốn: Đơn đốc thu hồi công nợ/làm việc với VP luật sư để quyết liệt đòi nợ các khoản góp vốn tại Dự án sinh thái Cửu Long (Công ty Hasky), Công ty Thiên Phúc Gia, IMICO...;

- Tập trung thu hồi công nợ tại các công trình/dự án đã thi công xong: Trung tâm thể thao Quận 1, Dự án Nhà dưỡng lão Long An, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Thái Bình, Hàm Cường, KDC Tiến Lộc...;

- Sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tiền thu được từ thoái vốn các dự án/Công ty góp vốn.

2.3. *Nhóm giải pháp về chi phí*: Rà soát thường xuyên toàn bộ các khoản chi phí sản xuất kinh doanh, giá trị sản lượng dở dang, chi phí dở dang, đặc biệt tại các dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; tăng cường tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để bù đắp một phần các khoản lỗ lũy kế từ các năm trước, qua đó từng bước ổn định, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Xây dựng phương án kinh doanh phù hợp với từng gói thầu/dự án để đảm bảo hiệu quả trong quá trình thực hiện; Tiếp tục thực hiện rà soát bố trí sắp xếp lại nhân sự, bố trí lại văn phòng tối thiểu dư ra 120m² cho thuê nhằm tạo thêm nguồn thu nhập cho công ty.

2.4. *Nhóm giải pháp về nhân lực, an toàn, kỹ thuật và thi công*:

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vật tư và đặc biệt là công tác an toàn lao động trên công trường. Tập trung nhân lực chủ chốt tại các Ban chỉ huy công trường để thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, đảm bảo tối thiểu giá trị khối lượng dở dang và công nợ phải thu tại các công trình/dự án. Có giải pháp thi công chi tiết, hợp lý, tiết kiệm, an toàn cho mỗi hạng mục công trình;

- Kiện toàn thường xuyên bộ máy phòng ban Công ty, Ban chỉ huy và Đội xây lắp theo hướng tinh gọn, hiệu quả đáp ứng yêu cầu của công trường. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu SXKD, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của Công ty.

2.5. *Giải pháp khác*: Tăng cường công tác kinh doanh thương mại, nhận định và đánh giá thị trường bất động sản để tận dụng cơ hội kinh doanh, đẩy mạnh kinh doanh vật tư, vật liệu và nghiên cứu mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực và khả năng của công ty như quản lý vận hành tòa nhà...

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Trên đây là Báo cáo kế hoạch SXKD của PetroCons Đông Đô trong năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Công ty PetroCons Đông Đô mong muốn tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ và giới thiệu đối tác của Cổ đông, Hội đồng quản trị công ty, Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí về những cơ hội trong các lĩnh vực như:

- Giới thiệu đối tác trong lĩnh vực xây lắp cũng như chuyển nhượng/thoái phần vốn góp tại Công ty Dầu khí Bình Sơn, Khách sạn Lam Kinh, Công ty CP Tây Hà Nội...;

- Hỗ trợ Petrocons Đông Đô tiếp thị, cung cấp sản phẩm dầu động cơ, dầu công nghiệp vào các đơn vị trong Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí và các đơn vị trên toàn quốc;

- Đối với dự án đang thi công: Để triển khai hoàn thiện các công việc còn lại của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Công ty kính đề nghị Tổng công ty/Ban điều hành dự án/Ban quản lý dự án tạo điều kiện linh hoạt giải quyết cơ chế thanh toán, tạm thanh toán khối lượng thi công theo tháng để giải quyết kịp thời cho nhà thầu có kinh phí thi công hoàn thành các hạng mục;

- Đối với các hạng mục đã hoàn thành: Người đại diện phần vốn góp kính đề nghị Tổng Công ty, Tập đoàn Dầu khí tạo điều kiện trong công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại các công trình mà Tổng Công ty/Tập đoàn Dầu khí làm Tổng thầu/ Chủ đầu tư như: dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 để Công ty quay vòng vốn sản xuất kinh doanh.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đại đội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS (B/c; e-copy);
- BGD, TK HĐQT (t/h; e-copy);
- P.TCKT, P.TCHC (t/h; e-copy);
- Lưu VT, P.KTKH.



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Phan Minh Tâm

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện cả năm 2022	Tỷ lệ (%)		Tổng số	Trong đó			
						Tỷ lệ TH/KH 2022 (%)	Tỷ lệ TH 2022/2021 (%)		Quý I	Quý II		Quý III
A	B	C	I	2	3	4=3.2	5=3.1	7	8	9	10	D
I	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	161,31	72,00	44,83	62,26%	27,79%	12,00	16,00	26,00	36,0	
II	Các chỉ tiêu tài chính											
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	328,73	329,39	323,99	98,36%	98,56%	324,01	323,90	323,92	324,45	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	225,37	225,57	227,23	100,74%	100,83%	227,44	227,68	227,78	227,83	
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	155,29	99,00	40,44	40,85%	26,04%	21,00	21,00	24,00	15,0	
	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>15,15</i>	<i>65,17</i>	<i>25,63</i>	<i>39,33%</i>	<i>169,20%</i>	<i>18,14</i>	<i>18,14</i>	<i>21,13</i>	<i>12,13</i>	
	<i>Doanh thu ngoài xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>140,14</i>	<i>33,82</i>	<i>14,81</i>	<i>43,77%</i>	<i>10,57%</i>	<i>2,87</i>	<i>2,87</i>	<i>2,87</i>	<i>2,87</i>	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,05	0,19	1,86	978,95%	177,14%	0,21	0,24	0,10	0,05	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,05	0,19	1,86	978,95%	177,14%	0,21	0,24	0,10	0,05	
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	1,92	1,60	1,79	111,91%	93,29%	0,38	0,38	0,38	0,56	
7	Nợ phải trả (10=10.1+10.2)	Tỷ đồng	103,36	103,82	96,75	93,19%	93,61%	96,56	96,21	96,14	96,62	-
7.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	103,36	103,82	96,75	93,19%	93,61%	96,56	96,21	96,14	96,62	
III	Chỉ tiêu đầu tư											
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng		27,20	2,43	8,93%		1,33	1,33	1,33	1,33	
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng		27,20	2,43	8,93%		1,33	1,33	1,33	1,33	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022				Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện cả năm 2022	Tỷ lệ (%)		Tổng số	Trong đó				
						Tỷ lệ TH/KH 2022 (%)	Tỷ lệ TH 2022/2021 (%)		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1	6=7+8+9+10	7	8	9	10	D
IV	Các chỉ tiêu khác												
I	Lao động và thu nhập (hợp nhất):												
	- Số lao động cuối kỳ toàn Công ty	Người	50	75	56	74,67%	112,00%	59	54	54	56	59	
	- Số lao động bình quân trong kỳ toàn Công ty	Người	52	65	55	84,62%	105,77%	55	54	54	55	58	
	- Thu nhập bình quân toàn Công ty	Trđ/ng tháng	7,735	8,15	8,04	98,67%	103,96%	8,17	8,17	8,17	8,17	8,17	
	- Năng suất lao động hợp nhất (tính theo d)	Trđ/ng/tháng	248,865	126,919	61,273	48,28%	24,62%	122,71	129,63	129,63	145,45	86,15	
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người		20		0,00%		20,00	5,00	5,00	5,00	5,00	
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng		0,04				0,04	0,01	0,01	0,01	0,01	

PHÒNG KTKH



Nguyễn Thế Toán

PHÒNG TC/HC



Đinh Thanh Trung

PHÒNG TCKT



Bùi Hồng Thái



Phan Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐỒNG ĐỒ

PHÂN TÍCH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2022

STT	Tên công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng (*)	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2021		Kế hoạch 2022 (TCT phê duyệt)			Thực hiện năm 2022			Giải trình nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	13	14	15	F
	TỔNG CỘNG (A + B - C)			0	272,33	199,33	125,72	72,00	99,00	0,19	44,83	40,44	1,86	-
A	LĨNH VỰC XÂY LẬP				272,33	199,33	125,72	35,00	65,17	6,02	28,88	25,63	1,35	-
1	HD số 01/HĐTC/CNPB-PVC Đồng Đồ ngày 16/6/2015 (Thi công HM Sân phân phối và đường ống cấp nước làm mát)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	175 ngày	27,76	26,65	17,05	1,11	8,19	0,82				
2	HD số 32/2016/HĐKT/PVC-PVC Đông Đồ ngày 17/6/2016 (Thi công nhà tách nước thạch cao và hệ thống thải tro xỉ)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Theo tiến độ công trình	128,72	110,18	70,93	19,76	28,47	2,70	4,75	7,14	-	
3	HD số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC-Dong Do ngày 25/7/2016 (Cung cấp và vận chuyển đất gia cố mái tuyến đê)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình					-		-				
4	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (HD số XD02C/2016/SHI-PVC-PVC. Đông Đồ ngày 10/10/2016) Thi công NĐK trung tâm	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		24,15	25,77	15,82		4,47	0,47				
5	HD số 119-2/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 4/11/2016 (Thi công phân kết cấu Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM)	UBND Quận 1-Tp HCM	phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM		9,95	7,28	7,15	2,67	1,90	0,28	2,69	1,84	0,94	

11/10/2022 8:00 AM

STT	Tên công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng (*)	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2021		Kế hoạch 2022 (TCT phê duyệt)			Thực hiện năm 2022			Giải trình nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	13	14	15	F
6	Số 119-3/2016/HĐTCD/CDC-PVCDD ngày 04/11/2016 (Thi công điện, nước Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM)	UBND Quận 1-Tp HCM	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM		12,28	9,59	7,93	2,69	3,32	0,24	2,67			
7	Dự án Trạm biến áp 110kV Lào Cai 2		Lào Cai		13,97	5,20	2,48	8,77	10,22	0,82	8,99	10,60	0,08	
8	Dự án Trạm 110kV điện gió Hàm Cường 2		Bình Thuận		9,28	9,28	2,93		5,15	0,41				
9	Hoàn thiện PCL nhà phố liền kề KDC Tiến Lộc Garden (Số 16.10-2020/HĐTC/PV-ĐĐ ngày 16/04/2020)	Công ty TNHH SXTM Tiến Lộc	Đồng Nai		5,39	5,39	1,44		3,46	0,28				
10	HD số 14/2022/HĐTC/HTL-ĐĐ ký ngày 27/6/2022 (cung cấp và thi công cọc thí nghiệm, lô HH01, HH02 Tuy Hòa, Phú Yên)	Công ty HTL	Phú Yên		5,789						5,79	3,35	0,30	
11	Hợp đồng số 02/2022/HĐTC/HH-ĐĐ. Gói thầu số 3 Thi công xây dựng đường HCM đoạn tránh tỉnh Đắk Lắk.	Công ty CP QLĐT và XD Hồng Hà Công ty	Đắk Lắk		14,29						3,00			
12	Hợp đồng số 03/2022/HĐTC/HH-ĐĐ. Gói thầu số 3 Thi công xây dựng đường HCM đoạn tránh tỉnh Đắk Lắk.	Công ty CP QLĐT và XD Hồng Hà Công ty	Đắk Lắk		8,44						1,00	2,70	0,02	
13	Hợp đồng số 07/2022/HĐTC/HH-ĐĐ. Gói thầu số 3 Thi công xây dựng đường HCM đoạn tránh tỉnh Đắk Lắk.	Công ty CP QLĐT và XD Hồng Hà	Đắk Lắk		12,32									
B	LĨNH VỰC NGOÀI XL				-	-	-	37,00	33,82	6,00	15,94	14,81	8,10	-
I	Kinh doanh BDS				-	-	-	34,95	31,77	3,95	12,50	11,37	4,66	-
1	Cho thuê Văn phòng Công ty							1,45	1,32	0,20	1,23	1,12	0,40	

STT	Tên công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng (*)	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2021		Kế hoạch 2022 (TCT phê duyệt)			Thực hiện năm 2022			Giải trình nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	13	14	15	F
2	Kinh doanh BĐS							23,00	20,91	3,30	9,35	8,50	4,13	
3	Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng							10,50	9,55	0,46	1,91	1,74	0,13	
II	Sản xuất kinh doanh khác							2,05	2,05	2,05	3,44	3,44	3,44	-
1	Lãi TGNH							0,050	0,050	0,05	3,16	3,16	3,16	
2	Thu nhập khác							2,000	2,000	2,000	0,28	0,28	0,28	
C	CHI PHÍ							-	-	11,84	-	-	7,59	-
1	CP quản lý									10,50			10,14	
2	CP khác									-			0,39	
3	Chi phí khấu hao, dịch vụ mua ngoài									1,34				
4	CP tài chính (Bao gồm cả CP lãi vay)												0,07	
5	CP bán hàng												0,29	
6	Hoàn nhập chi phí dự phòng												- 6,30	
7	Trích lập dự phòng												3,00	
	TỔNG CỘNG (A+B-C)				272,33	199,33	125,72	72,00	99,00	0,19	44,83	40,44	1,86	-

NGƯỜI LẬP

Triệu Thị Hồng Hà

Triệu Thị Hồng Hà

PHÒNG KTKH

Nguyễn Thế Toàn

Nguyễn Thế Toàn



Phạm Minh Tâm

|| (M) | G | K | P | G | (S) ||

PHÂN TÍCH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2023

STT	Tên công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng (*)	Tổng giá trị hợp đồng	Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022		Kế hoạch 2023			Kế hoạch quý I			Kế hoạch quý II			Kế hoạch quý III			Kế hoạch quý IV		
						Sản lượng	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG (A + B - C)				362,00	245,38	159,37	90,00	81,00	0,60	12,00	21,00	0,21	16,00	21,00	0,24	26,00	24,00	0,10	36,0	15,0	0,05
A	LĨNH VỰC XÂY LẬP				362,00	245,38	159,37	77,50	69,54	8,63	8,88	18,14	2,21	12,87	18,14	2,25	22,87	21,13	2,10	32,88	12,13	2,06
1	HD số 01 HDTC CNPB-PVC Đợt 06 ngày 16/6/2015 (Thi công HM Sản phẩm phôi và đường ống cấp nước làm mái)	Tập đoàn ĐKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	175 ngày	27,76	26,65	17,05		8,19	0,98		2,46	0,50		2,46	0,29		3,28	0,18			0,00
2	HD số 32-2016 HDKT-PVC-PVC Đợt 06 ngày 17/6/2016 (Thi công nhà tích nước thạch cao và hệ thống thải tro xỉ)	Tập đoàn ĐKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Theo tiến độ công trình được duyệt	128,72	115,73	78,07	5,00	24,01	3,74	2,50	5,95	1,36	2,50	12,35	1,45		5,00	0,50		0,71	0,43
3	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (HD số XD02C-2016 SHI-PVC-PVC Đợt 06 ngày 10/10/2016) Thi công, NDK trung tâm	Tập đoàn ĐKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		24,15	25,77	15,82		6,14	0,74								3,07	0,37		3,07	0,37
4	Dự án Trầm 110KV điện gió Hầm Cứng 2		Bình Thuận		9,28	9,28	2,93		5,41			5,41										
5	Hoàn thiện PCL nhà phố liền kề KDC Tiến Lộc Garden (Số 16.10.2020 HDTC PV-DD ngày 16/04/2020)	Công ty TNHH SXTM Tiến Lộc	Đông Nai		5,39	5,39	1,44		3,46	0,41								3,46	0,41			
6	Hợp đồng số 02-2022 HDTC HH-DD. Gói thầu số 3 Thi công xây dựng đường HCM đoạn tránh tỉnh Đắk Lắk.	Cy CP QLĐT và XD Hồng Hà	Đắk Lắk		14,29	3,50		10,00	4,14	0,54	1,00	1,04	0,14	2,50	1,04	0,14	2,50	1,72	0,14	4,00	0,35	0,13
7	Hợp đồng số 03-2022 HDTC HH-DD. Gói thầu số 3 Thi công xây dựng đường HCM đoạn tránh tỉnh Đắk Lắk.	Cy CP QLĐT và XD Hồng Hà	Đắk Lắk		8,44	1,10		5,80	2,50	0,23	1,53	1,00	0,06	1,20	0,50	0,06	1,70	0,50	0,05	1,37	0,50	0,06
8	Hợp đồng số 07-2022 HDTC HH-DD. Gói thầu số 3 Thi công xây dựng đường HCM đoạn tránh tỉnh Đắk Lắk.	Cy CP QLĐT và XD Hồng Hà	Đắk Lắk		12,32	1,00		7,39	2,22	0,29	1,85	0,55	0,04	1,85	0,55	0,07	2,17	0,55	0,07	1,53	0,55	0,11
9	Hợp đồng số 04/2022 HDTC HH-DD. Gói thầu số 3 Thi công xây dựng đường HCM đoạn tránh tỉnh Đắk Lắk.	Cy CP QLĐT và XD Hồng Hà	Đắk Lắk		25,01			13,81	3,38	0,47	2,00	1,73	0,12	3,45	0,50	0,12	4,00	1,04	0,12	4,35	0,11	0,11
10	Nhà trung tâm điều hành Bến xe	Hà Nội	Hà Nội	12 tháng	8,00			8,00	3,00	0,48				1,37	0,74	0,12	3,00	0,75	0,09	3,63	1,51	0,27
11	Dự án lưới điện 110KV	BOLDA	EVN		35,00			17,50	3,00	0,42							6,00	0,75	0,09	11,50	2,25	0,33

11/11/2023

STT	Tên công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng (*)	Tổng giá trị hợp đồng	Lấy kế thực hiện đến 31/12/2022		Kế hoạch 2023			Kế hoạch quý I			Kế hoạch quý II			Kế hoạch quý III			Kế hoạch quý IV		
						Sản lượng	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
12	Các dự án khác HĐ SỐ 14/2022/HĐTC-HTL-BĐD	BQLDA	EVN		10,00			10,00	1,94	0,24												
13	Ký ngày 27.6.2022 (cung cấp và thi công cọc thí nghiệm, lỗ HH01, HH02 Tuy Hòa, Phú Yên)	Công ty HTL	Phú Yên		5,789	5,79	3,35		2,16	0,09												
B	LĨNH VỰC NGOÀI XL				-	-	-	12,50	11,46	3,07	3,13	2,87	0,77	3,13	2,87	0,77	3,13	2,87	0,77	3,13	2,87	0,77
I	Kinh doanh BDS				-	-	-	11,45	10,41	2,02	2,86	2,60	0,50	2,86	2,60	0,50	2,86	2,60	0,50	2,86	2,60	0,50
1	Cho thuê Văn phòng Công ty							1,45	1,32	0,20	0,36	0,33	0,05	0,36	0,33	0,05	0,36	0,33	0,05	0,36	0,33	0,05
2	Đầu tư kinh doanh BDS							5,00	4,55	1,36	1,25	1,14	0,34	1,25	1,14	0,34	1,25	1,14	0,34	1,25	1,14	0,34
3	Kinh doanh đầu nhóm, vật tư, vật liệu xây dựng							5,00	4,55	0,45	1,25	1,14	0,11	1,25	1,14	0,11	1,25	1,14	0,11	1,25	1,14	0,11
II	Sản xuất kinh doanh khác							1,05	1,05	1,05	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26
1	Lãi TGNH							0,05	0,05	0,05	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2	Thu nhập khác							1,00	1,00	1,00	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25
C	CHI PHÍ							-	-	11,10	-	-	2,77	-	-	2,77	-	-	2,77	-	-	2,77
1	CP quản lý									11,10	-	-	2,77	-	-	2,77	-	-	2,77	-	-	2,77
2	CP bán hàng									-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	CP khác									-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	CP tài chính (Bao gồm cả CP lãi vay)									-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG (A + B - C)							90,00	81,00	0,60	12,00	21,00	0,21	16,00	21,00	0,24	26,00	24,00	0,10	36,0	15,0	0,05

NGƯỜI LẬP



Triệu Thị Hồng Hà

PHÒNG/KTKH



Nguyễn Thế Toàn

PHÒNG/TCKT



Bùi Hoàng Thái



Phan Minh Tâm

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2023 CỦA ĐƠN VỊ

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công/hoàn thành	Đơn vị tính	Số quyết định	Ngày, tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Thực hiện đến 31/12/2022				Kế hoạch năm 2023				
									Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng cộng (A+B)				Tỷ đồng				27,2	27,2	-	-	2,43	2,43	-	-	5,3	5,3	-	-	-
A	Các Dự án								22,2	22,2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đầu tư kinh doanh BDS ngắn hạn								22,2	22,2											
B	Mua sắm tài sản cố định								5,0	5,0	-	-	2,43	2,43	-	-	5,3	5,3	-	-	-
1	Máy ủi bánh xích 108CV								1,2	1,2			0,60	0,60							
2	Máy xúc đào bánh xích gầu 0.8m3								1,2	1,2			0,93	0,93							
3	Máy lu rung Pmax>25 tấn								1,0	1,0			0,90	0,90							
4	Phương tiện vận chuyển								1,6	1,6											
5	Thiết bị thi công công trình máy xúc...																1,4	1,4			
6	Thiết bị thi công công trình, phương tiện vận chuyển, máy lu, ...																1,5	1,5			
7	Thiết bị thi công máy ủi...																1,2	1,2			
8	Thiết bị thi công máy san...																1,2	1,2			
	Tổng cộng (A+B)								27,2	27,2	-	-	2,43	2,43	-	-	5,3	5,3	-	-	-

NGƯỜI LẬP

Triệu Thị Hồng Hà

Triệu Thị Hồng Hà

PHÒNG KTKH

Nguyễn Thế Toàn

Nguyễn Thế Toàn

PHÒNG TCKT

Bùi Hồng Thái

Bùi Hồng Thái



Phan Minh Tâm

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Thực hiện năm 2022, kế hoạch năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Diễn giải	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023					Ghi chú
				Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	1	4	6	7	8	9	10	C
I/	CHI PHÍ QLĐN	4.938	3.838	11.093	2.773	2.773	2.773	2.773	Thuyết minh số 26
1	Chi phí nhân viên Quản lý	7.790	6.483	8.008	2.002	2.002	2.002	2.002	
	- Tiền lương	6.090	5.845,00	7.308	1.827	1.827	1.827	1.827	
	- BHXH, BHYT, KPCĐ	1.700	637,50	700	175	175	175	175	
2	Chi phí vật liệu quản lý	24	109,00	92	23	23	23	23	
	- Chi phí văn phòng phẩm	12	61,00	80	20,0	20,0	20,0	20,0	
	- Chi vật liệu quản lý khác	12	48,00	12	3,0	3,0	3,0	3,0	
3	Chi phí đồ dùng văn phòng	270	158	120	30	30	30	30	
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	1.018	648,00	748	187	187	187	187	
	- Nhà cửa vật kiến trúc	546	510,50	511	128	128	128	128	
	- Máy móc, thiết bị	250	137,50	80	20	20	20	20	
	- Phương tiện vận tải	222		157	39	39	39	39	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý			0					
	- Tài sản cố định khác, BDS			0					
5	Chi phí hoàn nhập dự phòng	-6.900	-6.300						
6	Thuế, phí, lệ phí	220	12,60	220	55	55	55	55	
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.180	863,50	839	210	210	210	210	
	- Tiền điện nước	250	231,00	144	36	36	36	36	
	- Tiền fax, điện thoại	25	25,00	25	6	6	6	6	
	- Thuê trụ sở làm việc		7,00	0	0	0	0	0	
	- Chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ văn phòng	3		0	0	0	0	0	
	- Chi phí dịch vụ tòa nhà văn phòng	265	206,00	250	63	63	63	63	
	- Chi phí kiểm toán	80	68,00	80	20	20	20	20	
	- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	80	32,50	60	15	15	15	15	
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác (phí bảo lãnh, phí lệ phí, ...)	477	294,00	280	70	70	70	70	
8	Chi bằng tiền khác	1.336	1.865	1.066,0	266,5	266,5	266,5	266,5	
	- Chi phí tiếp khách	245	369,00	220	55	55	55	55	
	- Công tác phí tàu xe	266	29,00	190	48	48	48	48	
	- Tiền nhiên liệu	188	438,00	188	47	47	47	47	
	- Chi phí tiếp thị quảng cáo	5	-	4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	- Chi phí đào tạo	3	60,00	4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	- Chi phí hội nghị, khánh tiết, lễ tân	206	224,00	190	48	48	48	48	
	- Phí quản lý nộp TCT (nếu có)	-	-	0	0	0	0	0	
	- Chi phí bằng tiền khác	423	745,00	270	68	68	68	68	

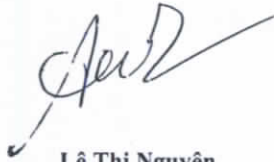
C.P. I/O.

M.S.D.A.

TT	Diễn giải	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023					Ghi chú
				Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	1	4	6	7	8	9	10	C
II/	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	3.000	3.073	0	0	0	0	0	Thuyết minh số 24
1	Chi phí dự phòng P&C	3.000	3.000,0	0					
2	Chi phí hoàn nhập dự phòng		72,9	0					
III	Tổng cộng CPQLDN (I+II)	7.938	6.911,0	11.093	2.773	2.773	2.773	2.773	
IV	Chi phí bán hàng	230	287,86						Thuyết minh số 25
V	Chi phí khác		394,47						Thuyết minh số 28
VI	Tổng cộng (III+IV+V)	8.168	7.593	11.093	2.773	2.773	2.773	2.773	

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Lê Thị Nguyên

Kế toán trưởng



Bùi Hồng Thái

Giám đốc Công ty



Phan Minh Tâm

KẾ HOẠCH VỐN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY MẸ NĂM 2022

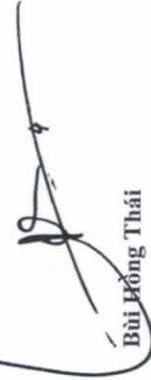
TT	Nội dung	Vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ nghiên cứu KHCN và đào tạo	Quỹ tìm kiếm thăm dò	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB
1	Tại thời điểm 01/01/2022	225,37	18,34			5,53	(298,50)	
2	Tại thời điểm 31/12/2022	227,23	18,34	0,00	0,00	5,53	(296,64)	
	Trong đó							
	- Ước tăng trong năm 2022							
	+ Lãi trong kỳ	1,86						1,86
	- Ước giảm trong năm 2022							
	+ Lỗ trong kỳ							
3	Kế hoạch tại thời điểm 31/12/2023	227,83	18,34			5,53	(296,04)	
	Trong đó							
	Kế hoạch tăng trong năm 2023							
	+ Lãi trong kỳ	0,60						0,60
	Kế hoạch giảm trong năm 2023							
	+ Lỗ trong kỳ							

Ghi chú: Áp dụng cho các công ty con

NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Thị Nguyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Bùi Hồng Thái

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phan Minh Tâm

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
I	Lao động theo HDLD				
1.1	Lao động cuối kỳ	Người	69	56	59
	- Lao động gián tiếp	Người	42	35	38
	- Lao động trực tiếp	Người	33	21	21
1.2	Lao động sử dụng bình quân	Người	59	55	55
II	Tiền lương - Thu nhập người lao động				
2.1	Quỹ lương trích	đồng	5.572.800.000	4.935.264.000	5.142.356.000
2.2	Quỹ lương chi	đồng	5.572.800.000	4.935.264.000	5.142.356.000
	- Lao động gián tiếp	đồng			
	- Lao động trực tiếp	đồng			
2.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	7.871.186	7.477.673	7.791.448
	- Tiền lương BQ LD gián tiếp	đ/ng/th	10.099.333	10.920.540	10.599.333
	- Tiền lương BQ LD trực tiếp	đ/ng/th	6.000.000	6.000.000	6.000.000
	- Tiền lương BQ người cao nhất	đ/ng/th	18.190.500	18.803.000	18.890.000
	- Tiền lương BQ người thấp nhất	đ/ng/th	5.000.000	5.000.000	5.000.000
2.4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi	đồng	200.000.000	370.000.000	250.000.000
	- Quỹ tiền thưởng của Ban QL, điều hành	đ/ng/th			
	Số người được hưởng	đ/ng/th			
	Tiền thưởng người cao nhất	đ/ng/th			
	Tiền thưởng người thấp nhất	đ/ng/th			
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		200.000.000	370.000.000	250.000.000
2.5	Tổng thu nhập (2.5=2.2+2.4)	đồng	5.772.800.000	5.305.264.000	5.392.356.000
2.6	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	8.153.672	8.038.279	8.170.236
	- Thu nhập BQ LD gián tiếp	đ/ng/th	8.715.400	10.920.540	8.715.400
	- Thu nhập BQ LD trực tiếp	đ/ng/th	6.000.000	6.000.000	6.000.000
	- Thu nhập BQ người cao nhất (CBQL)	đ/ng/th	18.500.000	18.803.000	18.500.000
	- Thu nhập BQ người thấp nhất	đ/ng/th	5.000.000	5.000.000	5.000.000
2.7	Đã thanh toán lương đến tháng 02 /2022				
2.8	Số tiền nợ lương CBCNV	đồng			
II	Tiền lương của cán bộ quản lý Công ty				
1	Tiền lương Người quản lý là đại diện Petrocons	Người	4	4	4
	Quỹ lương trích	đồng	1.268.400.000		1.322.400.000
	Quỹ lương chi	đồng	-	1.266.495.115	
	Thu nhập bình quân	đồng	26.425.000	26.385.315	27.550.000
2	Tiền lương Người quản lý không đại diện Petrocons	Người	2	2	2
	Quỹ lương trích	đồng	544.800.000		553.200.000
	Quỹ lương chi	đồng	-	545.599.541	
	Thu nhập bình quân	đồng	22.700.000	22.733.314	23.050.000
3	Tổng tiền lương thực hiện của người quản lý	đồng	1.813.200.000	1.812.094.656	1.875.600.000
III	Chế độ chính sách				
3.1	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BIITN				
	- Số người tham gia	người	35	35	36
	- Số lao động được cấp sổ BHXH	người	35	35	36
	- Số lượt giải quyết CD ốm đau, T.sản	lượt	15	6	8
	- Số tiền thanh toán CD ốm đau, T.sản	đồng	90.000.000	66.542.000	80.000.000
	- Đã nộp BHXH, BHYT, BIITN đến T12/2022				
	- Số tiền nợ BHXH, BHYT, BIITN	đồng			
3.2	Bảo hiểm con người				
	- Số người	người			
	- Số tiền phí bảo hiểm	đồng			
3.3	Khác				

Trong đó: Lao động thời vụ

- Số lao động cuối kỳ: 12 người. Trong đó: Nữ: 0
- Số lao động sử dụng bình quân: 12 người;
- Tổng quỹ tiền lương chi: 7.920.000.000 đồng;
- Tiền lương bình quân: 5.500.000 đồng/người/tháng.

PHÒNG TC - HC


Đỗ Thị Thủy

PHÒNG TC - KT


Bùi Hồng Thái

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHIÊN VỐN


CÔNG TY
CƠ PHIÊN
DẦU KHÍ
ĐỒNG ĐỒ
M.S.D.N: 0102293
Q. NAM TÚ LIÊM - TP. HÀ NỘI


Phan Minh Lâm

BÁO CÁO LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP
Thực hiện cả năm 2022

TT	Đen và Tăng quản số đến năm 2022 (người)	Lao động				Thu nhập (trước thuế)				Tiền Thu hưởng rất bình quả quản trị đ (T.T.đ nguyên tính tính g) g)																										
		Theo trình độ		Theo hợp đồng lao động		Số đang lao động		Chưa ra																												
		Đã tr 31 30 39	Đã tr 31 30 39	Đã tr 31 30 39	Đã tr 31 30 39	Lao động đang trong kỳ	Lao động tạm trong kỳ	Lao động đang trong kỳ	Lao động tạm trong kỳ																											
1	56	41	15	1	25	23	3	4	41	6	37	2	1	3	7	25	20	8	3	15	9	4.854	288	0	5.142	22	44	0	0	0	66	370	315	685	7.79	8.04

Người lập biểu

Đỗ Thị Thùy

Đỗ Thị Thùy

Trưởng P.TCHC

Trương P.TCHC



Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Người đại diện phân vốn

Phạm Minh Tâm

Phạm Minh Tâm

